

Số: 02 /QĐ-THCS QT

Tam Sơn, ngày 4 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

Căn cứ Quyết định số 5627/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Núi Thành về việc Điều chỉnh tên trường mẫu giáo; quy định loại hình của trường và phân cấp quản lý các trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc UBND huyện Núi Thành;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGD-ĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Quyết định số 11379/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Núi Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính trường THCS Quang Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2024 của trường THCS Quang trung. (Theo các biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động thuộc trường THCS Quang Trung thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT, KT .

HIỆU TRƯỞNG



Lưu Thành

Cấp ngân sách: 3
Đơn vị dự toán: Trường THCS Quảng Trung
Mã đơn vị QHNS: 1026471
Mã chương đơn vị dự toán: 622

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 1965

Mã địa bàn hành chính: 2999517

(Kèm theo Quyết định số 11379/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Núi Thành)
ĐVT: 1.000 đồng.

Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã Chương trình mục tiêu	Mã nguồn NSNN	Dự toán		
				Tổng cộng	Rút dự toán	Cấp bằng lệnh chi tiền
Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I. Chi đầu tư						
II. Chi thường xuyên				3.995.524	3.995.524	
1. Chi sự nghiệp giáo dục	073			3.995.524	3.995.524	
1.1. Kinh phí thực hiện tự chủ				3.969.694	3.969.694	
- Kinh phí thực hiện tự chủ (trừ 10% tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương)			13	3.423.359	3.423.359	
- Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương			14	67.494	67.494	
- Kinh phí thực hiện CCTL (Ngân sách cấp)			14	478.841	478.841	
1.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ				25.830	25.830	
- Kinh phí hỗ trợ cho học sinh khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC			12	0	0	
- Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP			12	2.970	2.970	
- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 27/2021/NQ-HĐND			12	10.860	10.860	
- Kinh phí kiểm định chất lượng			12	0	0	
- Kinh phí gia hạn phần mềm Quản lý tài sản			12	3.000	3.000	
- Kinh phí gia hạn phần mềm Tiền lương			12	2.000	2.000	
- Kinh phí gia hạn phần mềm Quản lý ngân sách			12	2.000	2.000	
- Phí chuyển đổi phần mềm kế toán online			12	5.000	5.000	
- Hợp đồng chuyên môn theo Quyết định 1544 của UBND tỉnh			12	0	0	

Ghi chú:

- Kinh phí hoạt động của đơn vị (đã bao gồm bảo vệ, cấp dưỡng) chưa trừ 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương:

- Trong đó: Hỗ trợ bảo vệ

802.497 nghìn đồng.

127.560 nghìn đồng.